TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21/4/2022
V/v: Xin ly hôn H - B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ dân phố H1, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Vũ Đức B, sinh năm 1989; ĐKHK: Thôn Đ, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình; Hiện đang thi hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

(Chị Huệ và anh Bộ đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/01/2022, bản tự khai, các đơn trình bày trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đức B kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 01/3/2013. Sau khi kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng suy nghĩ, tính cách, ngoài ra còn có bất đồng về kinh tế. Từ năm 2019, vợ chồng chị sống ly thân và chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở xã L (nay là thị trấn D), huyện T sinh sống đến nay. Ngày 20/11/2019 do mâu thuẫn vợ chồng lên tới đỉnh điểm nên anh B đã ra tay sát hại mẹ ruột của chị và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình tuyên án tử hình, hiện đang chờ thi hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. Nay chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh B không có hạnh phúc, mâu thuẫn không thể xóa bỏ, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T được giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Vũ Thị Thảo C, sinh ngày 09/01/2013 và cháu Vũ Đức Nhật N, sinh ngày 05/02/2017. Hiện nay hai cháu

đang được chị nuôi dưỡng chăm sóc. Ly hôn chị đề nghị giao cả hai con chung là C và N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Vì lý do công việc nên chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Theo bản tự khai và đơn đề nghị đề ngày 12/4/2022, bị đơn – anh Vũ Đức B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến đời sống chung không có hạnh phúc. Năm 2019 do vợ chồng mâu thuẫn không kìm nén được nên anh đã sát hại mẹ ruột của chị H và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình để chờ thi hành án tử hình. Nay chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn với chị H. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T không tiến hành hòa giải và giải quyết cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và các phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thị Thảo C, sinh ngày 09/01/2013 và cháu Vũ Đức Nhật N, sinh ngày 05/02/2017, do hiện nay đang chờ thi hành án nên anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung như đề nghị của chị H.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H và anh Vũ Đức B đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2013 ngày 01/3/2013. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống không cùng suy nghĩ, tính cách, bất đồng về kinh tế. Từ năm 2019, vợ chồng chị H anh B đã sống ly thân và chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở xã L (nay là thị trấn D), huyện T sinh sống đến nay, không quan tâm hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hôn

nhân. Ngày 20/11/2019 do mâu thuẫn vợ chồng lên tới đỉnh điểm nên anh B đã ra tay sát hại mẹ ruột của chị H và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình tuyên án tử hình, hiện đang chờ thi hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. Quá trình giải quyết vụ án, anh B cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến đời sống chung không có hạnh phúc, chị H xin ly hôn anh B cũng đồng ý và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì anh thấy vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị H được ly hôn anh B là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh B đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thị Thảo C, sinh ngày 09/01/2013 và cháu Vũ Đức Nhật N, sinh ngày 05/02/2017. Ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B cũng đồng ý với đề nghị của chị H vì hiện giờ anh đang chờ thi hành án tử hình, không có điều kiện nuôi dưỡng các cháu được và anh đồng ý không cấp dưỡng nuôi con theo nguyện vọng của chị H, cháu C cũng có đơn xin ở với mẹ. Xét nguyện vọng của các đương sự trong vụ án cũng như để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của hai con chung, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần xử giao hai con chung Vũ Thị Thảo C và Vũ Đức Nhật N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận đề nghị của chị H về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh B đều xác nhận không có nợ chung, không có tài sản chung, đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Vũ Đức B.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Vũ Thị Thảo C, sinh ngày 09/01/2013 và cháu Vũ Đức Nhật N,

sinh ngày 05/02/2017, chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004082 ngày 02/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T1 (Nơi ĐKKH);
- Lưu HCTP
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh